Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0307.12.00

Mã HS	0307.12.00
Mô tả hàng hóa	Động vật thân mềm, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, sống, tươi, ướp lạnh, đông lạnh, khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật thân mềm hun khói, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói / - Hàu: / - - Đông lạnh
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 17:22:09
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/03071200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K669
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N669
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q669
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ669
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E667
ATIGA	2022	2022	0	AT!E668
ATIGA	2023	2023	0	AT!F668
ATIGA	2024	2024	0	AT!G668
ATIGA	2025	2025	0	AT!H668
ATIGA	2026	2026	0	AT!I668
ATIGA	2027	2027	0	AT!J668
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E670
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F670
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G670

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H670
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I670
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J670
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E670
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F670
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G670
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H670
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I670
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J670
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F668
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H667
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F670
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G670
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H670
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I670
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J670
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K670
VKFTA	2022	2022	0	VK!E668
VKFTA	2023	2023	0	VK!F668
VKFTA	2024	2024	0	VK!G668
VKFTA	2025	2025	0	VK!H668
VKFTA	2026	2026	0	VK!I668
VKFTA	2027	2027	0	VK!J668
VCFTA	2022	2022	11	VC!D669
VCFTA	2023	2023	9	VC!E669
VCFTA	2024	2024	6	VC!F669

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	4	VC!G669
VCFTA	2026	2026	2	VC!H669
VCFTA	2027	2027	0	VC!I669
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D672
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E672
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F672
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G672
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H672
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I672
AHKFTA	2022	2022	2	AKH!D677
AHKFTA	2023	2023	1	AKH!E677
AHKFTA	2024	2024	1	AKH!F677
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G677
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H677
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I677
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D669
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E669
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F669
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G669
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H669
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I669
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D671
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E671
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F671
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G671
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H671

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I671
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D669
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E669
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F669
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G669
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H669
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I669
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J669
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D668
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E668
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F668
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G668
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H668
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I668
RCEP B	2022	2022	0	B!D668
RCEP B	2023	2023	0	B!E668
RCEP B	2024	2024	0	B!F668
RCEP B	2025	2025	0	B!G668
RCEP B	2026	2026	0	B!H668
RCEP B	2027	2027	0	B!I668
RCEP C	2022	2022	0	C!D668
RCEP C	2023	2023	0	C!E668
RCEP C	2024	2024	0	C!F668
RCEP C	2025	2025	0	C!G668
RCEP C	2026	2026	0	C!H668
RCEP C	2027	2027	0	C!I668

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D668
RCEP D	2023	2023	0	D!E668
RCEP D	2024	2024	0	D!F668
RCEP D	2025	2025	0	D!G668
RCEP D	2026	2026	0	D!H668
RCEP D	2027	2027	0	D!I668
RCEP E	2022	2022	0	E!D668
RCEP E	2023	2023	0	E!E668
RCEP E	2024	2024	0	E!F668
RCEP E	2025	2025	0	E!G668
RCEP E	2026	2026	0	E!H668
RCEP E	2027	2027	0	E!I668
RCEP F	2022	2022	0	F!D668
RCEP F	2023	2023	0	F!E668
RCEP F	2024	2024	0	F!F668
RCEP F	2025	2025	0	F!G668
RCEP F	2026	2026	0	F!H668
RCEP F	2027	2027	0	F!I668
VIFTA	2024	2024	*	VI!F654
VIFTA	2025	2025	*	VI!G654
VIFTA	2026	2026	*	VI!H654
VIFTA	2027	2027	*	VI!I654

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0307.12.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 0307.12.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N669), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.